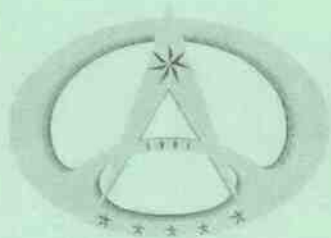


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN



INCOMFISH

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019**

Ngày 26 tháng 06 năm 2020

PHỤ LỤC SỐ 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính
hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
Năm báo cáo 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- ❖ - Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**
- ❖ - Tên tiếng Anh: **INVESTMENT COMMERCE FISHERIES CORPORATION**
- ❖ - Tên viết tắt: **INCOMFISH**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301805696, đăng ký lần đầu ngày 01/9/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 30/10/2019.

- Vốn điều lệ: 128.070.000.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 128.070.000.000 đồng

- Địa chỉ: Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

- Số điện thoại: (028) 3765 3145

- Số fax: (028) 3765 3136

- Website: www.incomfish.com

- Email: incomfish@incomfish.com

- Mã cổ phiếu: ICF

Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish) được thành lập ngày 01/9/1999 với lĩnh vực hoạt động chính là đầu tư, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng thủy sản đông lạnh.

- Là Công ty được thành lập trên cơ sở đóng góp của các cổ đông là thể nhân và pháp nhân mới dưới hình thức Công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp.

- Đến năm 2001, căn cứ theo kế hoạch định hướng khi thành lập nhằm đảm bảo phát triển Công ty bền vững và lâu dài, đồng thời để chủ động nguồn cung cấp sản phẩm cho xuất khẩu, Công ty đã triển khai Dự án xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

- Sau hơn một năm xây dựng từ năm 2001 đến tháng 6/2002, Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu với công suất sản xuất ổn định các mặt hàng có giá trị gia tăng là 6.000 - 6.500 tấn/năm đã đi vào sản-xuất thử, sau đó đi vào sản xuất chính thức từ đầu năm 2003 cho đến nay.

- Nhà máy Incomfish được đầu tư để chế biến thủy sản, thực phẩm với đa dạng sản phẩm, được trang bị máy móc thiết bị với công nghệ tiên tiến và đồng bộ.
- Ngay từ khi bắt đầu hoạt động, Công ty Incomfish đã áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng xuyên suốt trong quá trình sản xuất để đảm bảo đạt tiêu chuẩn cao về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm như: HACCP, BRC (Brittish Retail Consortium), ISO 9001:2008, IFS (Intrenational Food Standard), ACC (Aquaculture Certificate Council), MSC (Marine Stewardships Council). Ngoài ra, từ năm 2008 Công ty triển khai thực hiện và đã đạt tiêu chuẩn Trách nhiệm xã hội - SA 8000 (Social Accountability); Phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005. Do điều kiện thị trường xuất khẩu, công ty duy trì thường xuyên các chứng nhận cơ bản HACCP, BRC và MSC được đánh giá từ các tổ chức đánh giá độc lập.
- Cuối năm 2019 do yêu cầu mới của thị trường, Công ty đã triển khai thực hiện đánh giá tiêu chuẩn Trách nhiệm xã hội theo BSCI (Business Social Compliance Initiative) và đánh giá của Costco Wholesale Corporation đạt kết quả tốt.
- Với mặt hàng chủ lực là các sản phẩm giá trị gia tăng bán vào siêu thị Châu Âu, Nhật Bản, Mỹ và một số thị trường đặc biệt khó tính khác, ... đã tạo cho Công ty Incomfish có lợi thế cạnh tranh cao so với các nhà máy khác trong nước và khu vực.
- Công ty Incomfish đạt tiêu chuẩn xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào thị trường EU với các code: DL 189, DL 368, NM 188 và HK 187; Mỹ, Nhật, Hàn quốc, Trung quốc, ...
- Công ty là thành viên của Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) và Phòng công nghiệp và thương mại Việt Nam (VCCI).
- Vào ngày 29/11/2006, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận số 47/TTGDHN-ĐKGD về việc được đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đã giao dịch phiên đầu tiên vào ngày 18/12/2006. Sau một năm giao dịch tại Hà nội, Công ty đã chuyển về giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của HOSE và bắt đầu giao dịch tại HOSE từ ngày 18/12/2007 cho đến ngày 11/4/2019. Từ ngày 14/5/2019 đến nay giao dịch Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà nội theo Quyết định số 262/QĐ-SGDHN.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh:** Ngành nghề kinh doanh được cấp giấy phép như sau:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu mua, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ươm cá – tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
 - Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
 - Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
 - Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai;
 - Sản xuất nước đá;
 - Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
 - Nhà hàng ăn uống, giải khát;
 - Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
 - Mua bán hàng nông lâm thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;

- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đào tạo nghề;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hóa, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;
- Cho thuê phương tiện vận tải;
- Đại lý vận tải bằng đường biển và đường hàng không;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý bán vé máy bay;
- Mua bán xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng xe; thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

Trong đó, chủ yếu là hoạt động chế biến, kinh doanh xuất khẩu hàng thủy hải sản đông lạnh.

- **Địa bàn kinh doanh:** phần lớn xuất khẩu sang các thị trường Nhật bản, Châu Âu, Mỹ và các thị trường khác.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị:** Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần mà luật pháp qui định.

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn và dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty. ĐHCĐ bầu ra Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS).

- Hội đồng quản trị: có chức năng quản trị cao nhất trong Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ; quyết định bộ máy điều hành của Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

Hội đồng Quản trị gồm các thành viên:

- | | |
|--------------------------|------------|
| - Bà Nguyễn Thị Kim Xuân | Chủ tịch |
| - Ông Trịnh Bá Hoàng | Thành viên |
| - Bà Nguyễn Thị Kim Thu | Thành viên |

- Ban kiểm soát: là tổ chức thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành công ty.

Ban kiểm soát gồm các thành viên:

- | | |
|---------------------------|------------|
| - Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo | Trưởng ban |
| - Ông Nguyễn Thế Phong | Thành viên |
| - Ông Nguyễn Thanh Triều | Thành viên |

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban Điều hành Công ty:
 - Ông Trịnh Bá Hoàng Tổng Giám đốc (thôi việc từ ngày 30/10/2019)
 - Bà Nguyễn Thị Kim Xuân Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 30/10/2019)
 - Bà Nguyễn Thị Kim Thu Phó Tổng Giám đốc
 - Ông Đặng Việt Hùng Phó Tổng Giám đốc
 - Ông Nguyễn Ngô Tấn Phát Kế toán trưởng
- Các Phòng ban chức năng và Bộ phận trực thuộc:
 - Bộ phận Kinh doanh
 - Bộ phận Tài chính
 - Bộ phận Quản trị
 - Bộ phận Quản lý chất lượng
 - Bộ phận Dịch vụ sản xuất
 - Nhà máy sản xuất

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Duy trì và từng bước củng cố ổn định sản xuất kinh doanh, chú trọng tiết kiệm chi phí để nâng cao tính cạnh tranh.
- Sử dụng nguồn vốn phù hợp với tính chất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả tối ưu trong điều kiện hiện tại.
- Giảm thiểu hàng tồn kho thành phẩm/ bán thành phẩm và tăng lượng dự trữ nguyên liệu đảm bảo phục vụ sản xuất và xuất khẩu.
- Từng bước xây dựng và phát triển mạng kinh doanh nội địa.
- Thực hiện đúng các chế độ tài chính kế toán theo qui định của nhà nước, thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.
- Không ngừng nâng cao đời sống cho người lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN; khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm cho lao động trực tiếp sản xuất và 1 lần/năm cho lao động gián tiếp.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Nhằm khai thác tối đa công suất thiết bị và trong điều kiện thiếu vốn mua nguyên liệu, công ty hướng tới việc hợp tác gia công chế biến xuất khẩu với khách hàng nước ngoài và gia công trong nước.
- Tăng cường quản lý và không ngừng nâng cao vai trò quản lý chất lượng sản phẩm để thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước.
- Không ngừng quản lý và nghiên cứu cải tiến nhằm nâng cao năng suất lao động, đáp ứng các điều kiện cạnh tranh quốc tế.
- Khai thác hiệu quả các dịch vụ phục vụ khách hàng từ nguồn tài sản sẵn có.
- Lựa chọn nhà đầu tư chiến lược phù hợp với mô hình của công ty để giúp Incomfish gia tăng thế mạnh của mình, khôi phục sự phát triển của Công ty trong thời gian ngắn nhất.
- Hướng tới sự phát triển lâu dài và bền vững trong ngành thực phẩm, cung cấp sản phẩm sạch với ý thức tham gia bảo vệ môi trường.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- Hướng ứng và tham gia các hoạt động về bảo vệ môi trường.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, thực hiện chính sách tiết kiệm năng lượng, chống lãng phí nguyên nhiên vật liệu.
- Không ngừng nâng cao đời sống của người lao động. Tuân thủ các qui định, trách nhiệm xã hội đối với người lao động phù hợp với luật lao động trong nước và các qui định quốc tế.
- Duy trì hoạt động của các tổ chức đoàn thể để phục vụ quyền lợi chính đáng của người lao động.
- Từng bước cải thiện kết quả kinh doanh nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

5. Các rủi ro

- Nguồn nguyên liệu trong nước không ổn định và cạnh tranh gay gắt cả về lượng và giá.
- Rào cản kỹ thuật, thương mại tại các thị trường lớn ngày càng cao làm hạn chế sản phẩm và làm tăng chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, ...
- Cạnh tranh gay gắt quốc tế về giá bán xuất khẩu vì giá thành sản xuất của Việt nam cao hơn nhiều so với các nước trong khu vực.
- Lực lượng lao động thiếu hụt trầm trọng, khó tuyển dụng do tính chất đặc thù của ngành chế biến thủy sản luôn phải làm việc trong môi trường ẩm ướt và lạnh.
- Sự phát triển về kinh tế, văn hóa, giáo dục và xã hội của đất nước đã chuyển dịch người lao động từ trực tiếp sản xuất sang các ngành nghề dịch vụ và kinh doanh nhỏ ... gây nên sự thiếu hụt nghiêm trọng nguồn lao động trực tiếp sản xuất lâu dài và có tay nghề.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2019 kết thúc trong điều kiện tình hình hoạt động kinh doanh của công ty vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, thách thức, cạnh tranh gay gắt trên thị trường xuất khẩu và trong nước.
- Nguồn vốn lưu động vẫn đang phụ thuộc vào nguồn vốn vay ngân hàng với xu hướng giảm dần hạn mức.
- Chi phí đầu vào như điện, nước cấp, nước thải, xăng dầu ... tăng định kỳ hàng năm, trong khi tính chất ngành nghề chế biến thủy sản chủ yếu tiêu thụ nguồn điện, nước, nước thải rất lớn.
- Mức lương tối thiểu vùng hàng năm đều tăng theo qui định của nhà nước cũng khiến chi phí giá thành sản phẩm tăng, làm giảm năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh.
- Sau hơn 15 năm hoạt động, cơ sở hạ tầng xuống cấp, các chi phí bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, nhà xưởng đều tăng.
- Để bù đắp lượng lao động trực tiếp thiếu hụt, công ty phải sử dụng nguồn lao động thời vụ của các công ty cung ứng lao động, tuy nhiên tay nghề và năng suất lao động không cao do thay đổi nhân sự liên tục.
- Bộ máy quản lý của công ty tương đối ổn định, khối lao động gián tiếp hoạt động hiệu quả và có tinh thần chia sẻ khó khăn chung với công ty.
- Mặc dù có các đơn hàng ổn định nhưng không có hiệu quả do chi phí giá thành sản xuất cao.

- Các chỉ tiêu tài chính năm 2019 đều không đạt được so với kế hoạch đề ra, do một số dự án hợp tác với khách hàng không khả thi nên không tiến tới ký hợp đồng; hoạt động sản xuất chú trọng tập trung tăng sản lượng nhưng chi phí giá thành sản xuất cao nên không đạt được lợi nhuận.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện các năm		So sánh (%)	
			2019	2018	Kế hoạch	Cùng kỳ
Doanh số xuất khẩu	usd	10,500,000	4,641,704	7,018,609	44.21	66.13
Doanh thu	tỷ đồng	243.075	118.644	179.223	48.81	66.20
Sản lượng sản xuất	tấn	2,140	924			
Gia công	tấn		647			

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Thâm niên công tác	Chức vụ	Sở hữu CP (%)
1	Trịnh Bá Hoàng	Nam	01/06/1960	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại thương	10/2001	Tổng GD (đến 30/10/2019)	2.16
2	Nguyễn Thị Kim Xuân	Nữ	24/06/1959	Kỹ sư Thủy sản	01/09/1999	Tổng GD (từ 30/10/2019)	18.34
3	Nguyễn Thị Kim Thu	Nữ	15/04/1961	Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Kinh tế	10/2002	Phó TGD	7.57
4	Đặng Việt Hùng	Nam	08/02/1963	Kỹ sư Nhiệt	11/2000	Phó TGD	0.03
5	Nguyễn Ngô Tấn Phát	Nam	28/02/1968	Cử nhân Kinh tế	12/2018	Kế toán trưởng	-

- Những thay đổi trong ban điều hành:

+ Ngày 30/10/2019 miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty đối với Ông Trịnh Bá Hoàng.

+ Ngày 30/10/2019 bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty đối với Bà Nguyễn Thị Kim Xuân.

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

+ Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2019: 225 người

+ Thu nhập bình quân của người lao động/ tháng: 7.900.000 đồng

+ Các chính sách đối với người lao động:

* Công ty triển khai thực hiện tiêu chuẩn Trách nhiệm xã hội theo BSCI và Cotscó từ cuối năm 2019.

* Duy trì đội ngũ lao động tay nghề cao, gắn bó lâu dài với công ty. Thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN; trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân, khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm theo qui định.

* Ngoài bữa ăn trưa, Công ty tiếp tục duy trì bữa ăn sáng cho công nhân trực tiếp sản xuất; nếu tăng ca sau 6h30 chiều sẽ tổ chức bữa ăn chiều cho công nhân. Hỗ trợ tiền thuê nhà hoặc xăng xe cho công nhân viên. Tặng quà sinh nhật, chăm lo quà tết, hỗ

trợ vé xe cho công nhân về quê ăn tết, thưởng lễ; tổ chức thăm quan, nghỉ mát cho người lao động, ...

* Tạo điều kiện cho tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên hoạt động đem lại lợi ích tinh thần cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: trong năm không có các khoản đầu tư lớn.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

- Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD, số vốn thực góp đến ngày 31/12/2019 là 900,000.00 USD (tương đương 14.992.000.000 đồng), tương đương 49%.

- Khoản đầu tư này hoạt động không hiệu quả do mặt hàng tôm xuất khẩu vào Mỹ bị áp thuế chống bán phá giá. Công ty vẫn phải duy trì theo đuổi vụ kiện tôm đến nay là giai đoạn thứ 15 (POR 15).

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	239.052	289.526	21.11
Doanh thu thuần	179.223	118.644	(33.80)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(16.529)	(9.746)	(41.04)
Lợi nhuận khác	(0.690)	(0.331)	(52.03)
Lợi nhuận trước thuế	(17.219)	(10.077)	(41.48)
Lợi nhuận sau thuế	(17.219)	(10.077)	(41.48)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(1.344)	(787)	(41.44)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
* Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.93	1.63	
Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn			
* Hệ số thanh toán nhanh	0.21	0.17	
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
* Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0.57	0.68	
* Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	1.35	2.16	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
* Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	0.79	0.51	
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0.75	0.41	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
* Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	-9.6%	-8.5%	
* Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	-16.9%	-11.0%	
* Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	-7.2%	-3.5%	
* Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	-9.2%	-8.2%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành: 12.807.000 cổ phần (Mười hai triệu tám trăm lẻ bảy ngàn cổ phần).

Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	5	144,641	1.13
3	Cổ đông là thành viên HĐQT	3	3,595,722	28.08
4	Cổ đông cá nhân	1,181	8,722,977	68.11
5	Cổ đông nước ngoài	30	343,660	2.68
6	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	1,219	12,807,000	100.00
	Trong đó cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% CP)	5	6,227,492	48.63

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 2.108 tấn

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

STT	Loại năng lượng	ĐVT	Số lượng tiêu thụ
1	Điện	kwh	2,757,392
2	Xăng	lít	16,700
3	Dầu DO	lít	32,000
4	Dầu hỏa	lít	-
5	Gaz	kg	12,960

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

STT	Nguồn cung cấp nước	ĐVT	Số lượng tiêu thụ
1	Nước sạch Khu Công nghiệp	m ³	73,659
2	Nước thải	m ³	51,563

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2019: 225 người
- Thu nhập bình quân của người lao động/ tháng: 7.900.000 đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty triển khai thực hiện tiêu chuẩn Trách nhiệm xã hội theo BSCI và Cotsco từ cuối năm 2019.

- Duy trì đội ngũ lao động tay nghề cao, gắn bó lâu dài với công ty. Thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN; khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm và 1 lần/năm tùy đối tượng theo qui định.

- Ngoài bữa ăn trưa, Công ty tiếp tục duy trì bữa ăn sáng cho công nhân trực tiếp sản xuất; nếu tăng ca sau 6h30 chiều sẽ tổ chức bữa ăn chiều cho công nhân. Hỗ trợ tiền thuê nhà hoặc xăng xe cho công nhân viên. Tặng quà sinh nhật, chăm lo quà tết, hỗ trợ vé xe cho công nhân về quê ăn tết, thưởng lễ; tổ chức thăm quan, nghỉ mát cho người lao động, ...

- Tạo điều kiện cho tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên hoạt động đem lại lợi ích tinh thần cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Công ty thực hiện đầy đủ các quy định trong việc đào tạo và đào tạo lại cho người lao động về An toàn vệ sinh lao động, diễn tập PCCC, diễn tập xử lý tình huống khẩn cấp...

- Thành lập Ban ATVSLĐ theo NĐ 44/2016/CP,

- Thành lập Đội PCCC theo TT 66/2014TT-BCA,

- Thành lập và đào tạo Đội Sơ cấp cứu theo TT 19/2016/TT-BYT,

để ứng phó các tình huống, sự cố có thể xảy ra và tạo môi trường làm việc an toàn cho người lao động cũng như bảo vệ tài sản Công ty khi có sự cố xảy ra.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

- + Đào tạo PCCC: 400 giờ/25 người (2 năm/lần)
 - + Đào tạo lực lượng sơ cấp cứu lần đầu: 272 giờ/16 người, đào tạo lực lượng sơ cấp cứu định kỳ 8 giờ/người (năm/lần), đào tạo sơ cấp cứu cho công nhân: 4 giờ/người (năm/lần).
 - + Đào tạo ATLĐ: 1400 giờ cho toàn thể công nhân.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Công ty cử nhân viên nghiệp vụ tham gia các khóa đào tạo cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và tạo điều kiện để người lao động tham gia các khóa đào tạo tại chức nhằm nâng cao trình độ.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty luôn có trách nhiệm với cộng đồng và địa phương, sẽ tham gia các vận động trong điều kiện khả năng của Công ty và vận động người lao động cùng tham gia.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:
Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết thúc năm 2019, mặc dù Công ty vẫn duy trì được thị trường và các khách hàng truyền thống nhưng các chỉ tiêu tài chính không đạt được kế hoạch đã đề ra và không hiệu quả. Lý do:
- Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục bị cạnh tranh gay gắt trong và ngoài nước.
- Thị trường châu Âu giảm sút đáng kể do chủ trương quản lý vùng khai thác, siết chặt việc kiểm tra khai báo và giấy chứng nhận nguồn gốc nguyên liệu đánh bắt.
- Thị trường Mỹ vẫn áp dụng thuế chống bán phá giá mặt hàng tôm nên công ty không thể cạnh tranh giá với các quốc gia và các doanh nghiệp có mức thuế thấp hơn mặc dù công ty vẫn phải duy trì hợp tác với Vasep theo đuổi vụ kiện và đóng phí luật sư hàng năm theo từng giai đoạn, đến nay là POR 15.
- Về mặt hàng tôm hầu như giảm hẳn do rào cản thương mại của thị trường Mỹ và giá nguyên liệu quá cao, nguồn vốn không đáp ứng kịp thời.
- Các mặt hàng cho thị trường Nhật quá tỉ mỉ nên chi phí sản xuất cao, sản lượng thấp.

1.2 Kết quả thực hiện năm 2019:

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	So sánh (%)
Doanh số xuất khẩu	usd	10,500,000	4,641,704	44.21
Doanh thu	tỷ đồng	243,075	118,644	48.81
Sản lượng sản xuất	tấn	2,140	1,571	73,41

2. Tình hình tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		237,188,078,637	181,887,382,740
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	<i>V.01</i>	221,127,175	147,945,405
1. Tiền	111		221,127,175	147,945,405
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	<i>V.2.1</i>	129,715,950	114,405,564
1. Chứng khoán kinh doanh	121		531,000,000	531,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(401,284,050)	(416,594,436)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		19,301,881,877	19,447,361,696
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<i>V.03</i>	24,371,153,150	20,560,978,388
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<i>V.04</i>	3,395,189,200	3,305,789,200
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	<i>V.5.1</i>	3,565,232,282	5,562,818,533
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	<i>V.06</i>	(12,029,692,755)	(9,982,224,425)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	<i>V.07</i>	211,891,426,789	162,177,670,075
1. Hàng tồn kho	141		227,098,639,518	179,134,066,993
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(15,207,212,729)	(16,956,396,918)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		5,643,926,846	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<i>V.10</i>	59,965,334	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,583,961,512	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		52,337,426,634	57,164,624,559
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		457,850,547	1,674,916,979
1. Phải thu dài hạn khác	216	<i>V.5.2</i>	920,342,310	2,137,408,742
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(462,491,763)	(462,491,763)
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		28,455,837,153	31,085,247,664
1. TSCĐ hữu hình	221	<i>V.08</i>	19,138,824,451	21,150,166,214
- Nguyên giá	222		120,720,250,229	120,720,250,229
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(101,581,425,778)	(99,570,084,015)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	<i>V.09</i>	9,317,012,702	9,935,081,450
- Nguyên giá	228		15,210,878,493	15,210,878,493
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5,893,865,791)	(5,275,797,043)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		-	-
<i>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	<i>V.2.2</i>	21,269,598,977	21,269,598,978
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		14,992,000,000	14,992,000,000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22,219,425,650	22,219,425,650
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15,941,826,673)	(15,941,826,672)
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		2,154,139,957	3,134,860,938
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<i>V.10</i>	2,154,139,957	3,134,860,938
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		289,525,505,271	239,052,007,299
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		197,845,072,855	137,294,505,395
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		145,773,265,091	94,398,456,146

1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	85,091,656,797	26,580,458,572
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1,922,026,876	3,734,181,229
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	452,220,893	698,444,984
4. Phải trả người lao động	314		154,483,983	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	600,000,000	600,000,000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.1	4,039,297,494	4,712,634,118
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.1	47,402,007,032	51,892,469,227
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	6,111,572,016	6,180,268,016
II. Nợ dài hạn	330		52,071,807,764	42,896,049,249
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.2	45,851,807,764	36,676,049,249
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.2	6,220,000,000	6,220,000,000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		91,680,432,416	101,757,501,904
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	91,680,432,416	101,757,501,904
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128,070,000,000	128,070,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128,070,000,000	128,070,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24,156,097,000	24,156,097,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		21,221,178,468	21,221,178,468
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(81,766,843,052)	(71,689,773,564)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(71,689,773,565)	(54,471,140,427)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(10,077,069,487)	(17,218,633,137)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		289,525,505,271	239,052,007,299

a) Tình hình tài sản

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản: không biến động.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ ngắn hạn tăng do nhập khẩu nguyên liệu dự trữ cho sản xuất xuất khẩu.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tiếp tục nâng cao vai trò quản trị của Ban điều hành Công ty, chú trọng tiết kiệm chi phí tối đa.
- Cố gắng duy trì, phát triển sản phẩm chủ lực có lợi thế như sản phẩm chế biến giá trị gia tăng.
- Khai thác hiệu quả lợi ích từ tài sản thiết bị sẵn có.
- Tiếp tục hợp tác, liên kết với các khách hàng tiềm năng trong và ngoài nước đảm bảo lợi ích của cả các bên.
- Tìm giải pháp, kế hoạch thu hút nguồn lao động phổ thông có tay nghề đáp ứng nhu cầu kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Trong năm 2020, Công ty tiếp tục củng cố sản xuất, duy trì hợp tác gia công với các đối tác tiềm năng; phát triển thị trường và mặt hàng, khách hàng mới.
- Chú trọng năng suất lao động của công nhân, giảm chi phí sản xuất để có lợi nhuận.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải ...):

- Công ty luôn chủ trương tiết kiệm năng lượng mặc dù do tính chất ngành nghề sử dụng chủ yếu là năng lượng điện và nước với số lượng lớn. Hơn nữa để chấp hành đúng luật pháp về việc bảo vệ môi trường, lượng nước thải đầu ra phải đạt qui định nên chi phí xử lý nước thải thường xuyên cao.

- Về năng lượng điện: công ty hướng tới việc sử dụng năng lượng mặt trời khi có đủ điều kiện và thực sự hiệu quả.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Luôn tuân thủ các qui định về quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động phù hợp với luật pháp và các tiêu chuẩn quốc tế.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty luôn có trách nhiệm với cộng đồng và địa phương, sẽ tham gia các vận động trong điều kiện khả năng của Công ty hoặc vận động người lao động cùng tham gia.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Năm 2019 tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt trên thị trường xuất khẩu và trong nước.

- Khó khăn về tài chính vẫn là áp lực lớn trong điều kiện hoạt động hiện tại của Công ty, nguồn vốn lưu động vẫn phụ thuộc vào nguồn vay ngân hàng với xu hướng giảm dần hạn mức vay.

- Với phương châm "Chất lượng hôm nay – Thị trường ngày mai", Công ty đã không ngừng nâng cao vai trò quản lý chất lượng sản phẩm để thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước. Công ty đã duy trì các Chứng nhận đánh giá chất lượng của các Tổ chức đánh giá quốc tế, tuy nhiên, việc này đồng nghĩa với việc chi phí kiểm soát chất lượng sản phẩm tăng ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm và lợi nhuận của công ty.

- Ngoài các mặt hàng chủ lực quen thuộc, Công ty không ngừng đa dạng hóa sản phẩm đã mở rộng thêm sản xuất một số mặt hàng nông sản xuất khẩu, tuy nhiên sản phẩm nông sản có giá trị thấp hơn sản phẩm thủy sản.

- Để thu hút lượng lao động phổ thông, công ty đã đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ công nhân nhưng chưa đạt kết quả cao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi và giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc.

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, được đào tạo về chuyên môn và có thâm niên trong nghề.

- Tổng giám đốc đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Phó tổng giám đốc phù hợp với chuyên môn và năng lực của từng vị trí.

- Hàng tuần Ban Tổng giám đốc đều thực hiện họp giao ban để tổng kết và triển khai công việc từng tuần, từng tháng.

- Ban Tổng giám đốc cùng các thành viên trong bộ máy quản lý luôn nỗ lực thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó.

- Tuy nhiên Ban Tổng giám đốc chưa phát huy hết năng lực và kinh nghiệm, chưa đánh giá đúng tình hình để đưa ra các quyết định phù hợp để hạn chế rủi ro và giảm thiểu thiệt hại cho Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Duy trì và phát triển các thị trường và khách hàng hiện có.
- Đưa ra và giám sát chặt chẽ các biện pháp cụ thể để giảm chi phí, phát huy và sử dụng hữu ích tài nguyên sẵn có của công ty.
- Củng cố bộ máy quản lý, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn của các Bộ phận như vai trò kiểm soát nội bộ, điều hành quản lý sản xuất, quản lý kinh doanh, quản lý vật tư, hàng tồn kho ...
- Từng bước phát triển các mặt hàng nội địa.
- Tăng cường hợp tác, liên kết trong và ngoài nước, chủ động nắm bắt cơ hội.
- Lựa chọn nhà đầu tư chiến lược phù hợp với mô hình của công ty để giúp Incomfish gia tăng thế mạnh của mình, khôi phục sự phát triển của Công ty trong thời gian ngắn nhất.

* Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020:

- Kim ngạch xuất khẩu : 8,30 triệu USD
- Doanh thu : 196 tỷ đồng
- Sản xuất và gia công : 2.030 tấn
- Lợi nhuận sau thuế : 2,5 tỷ đồng

* Kế hoạch này chưa bao gồm ảnh hưởng của dịch COVID-19

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: gồm các thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch	2,348,522	18.34	
2	Trịnh Bá Hoàng	Thành viên	277,200	2.16	
3	Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên	970,000	7.57	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên hoạt động theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: trong năm 2019 Hội đồng quản trị đã triển khai các cuộc họp định kỳ và đột xuất để triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp (%)	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch	6/6	100.00	
2	Trịnh Bá Hoàng	Thành viên	6/6	100.00	
3	Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên	6/6	100.00	

- Hội đồng quản trị xem xét, giám sát các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh các tháng trong năm 2019 và các BCTC Quý 1/2019, Quý 2/2019, Quý 3/2019 và Quý 4/2019.
- Hội đồng quản trị dự các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh và giao ban hàng tuần, hàng tháng.
- Các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2019:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1		18/01/2019	Tổng kết hoạt động SXKD năm 2018, kế hoạch SXKD năm 2019 của Ban TGD.
2		15/03/2019	Lập báo cáo thường niên. Thông qua việc lập hồ sơ quyền và xác định ngày đăng ký cuối cùng để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
3		02/05/2019	Thống nhất ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên là ngày 22/5/2019. Thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 là ngày 14/6/2019.
4		17/05/2019	Sơ kết Quý 1/2019, mục tiêu Quý 2/2019. Thông qua thời gian, địa điểm, nội dung, chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, các nội dung chính sẽ trình trong ĐHĐCĐ.
5	01/NQ-HĐQT	14/06/2019	Thống nhất các vấn đề nêu tại Đại hội đồng cổ đông ngày 14/6/2019, thông qua nghị quyết Đại hội.
6	02/NQ-HĐQT	01/07/2019	Thông qua việc vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam - Chi nhánh Tp.HCM.
7		19/07/2019	Sơ kết 6 tháng đầu năm 2019.
8	03/0919/HĐQT/ICF	16/09/2019	Thông qua đơn từ nhiệm của ông Trịnh Bá Hoàng.
	03/QĐ-HĐQT	16/09/2019	Thay đổi chức danh Tổng giám đốc và người đại diện pháp luật.
9		20/09/2019	Rà soát, giám sát đôn đốc kế hoạch cuối năm.
10		26/11/2019	Thay đổi GCNĐKKD Công ty Cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 30/10/2019, người đại diện pháp luật Bà Nguyễn Thị Kim Xuân - chức danh Tổng Giám đốc. Đánh giá tình hình thực hiện SXKD, đẩy nhanh tiến độ trong Quý 4/2019.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Công ty đã mời thêm 01 nhân sự cho vị trí Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị nhưng sau một thời gian làm việc không đáp ứng được nhu cầu nên đã nghỉ.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: trong năm 2019 không có thành viên Hội đồng quản trị tham gia đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: gồm các thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban	20,000	0.16	
2	Nguyễn Thế Phong	Thành viên	4,000	0.03	
3	Nguyễn Thanh Triều	Thành viên	2,000	0.02	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp (%)	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban	4/4	100.00	
2	Nguyễn Thế Phong	Thành viên	4/4	100.00	
3	Nguyễn Thanh Triều	Thành viên	1/4	25.00	Bận việc

- Hoạt động của Ban Kiểm Soát 2019 được tiến hành một cách chủ động theo qui định của pháp luật và điều lệ công ty.

- Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông: Ban kiểm soát họp định kỳ mỗi tháng cùng Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Kiểm tra giám sát chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp, báo cáo tài chính, công bố thông tin, việc chấp hành giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan đến Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty; giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn.

- Về tình hình tài chính (theo báo cáo đã được kiểm toán):

+ Các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh Báo cáo Tài chính được thực hiện đầy đủ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, hợp pháp trong việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ kế toán, lập Báo cáo Tài chính năm.

+ Công tác kế toán: đã tuân thủ việc báo cáo kế toán theo đúng luật và các chuẩn mực kế toán được ban hành của nhà nước. Báo cáo tài chính năm 2019 được lập trên hệ thống phần mềm kế toán của CN Công ty cổ phần phát triển phần mềm ASIA và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS).

- Nhận xét về tình hình hoạt động công ty:

+ Về công bố thông tin: Trong năm 2019 công ty thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo qui định, đôi lúc bị chậm trễ do nhiều nguyên nhân khách quan. Công ty sẽ khắc phục để đảm bảo đúng thời gian quy định, đáp ứng cho cơ quan quản lý và nhà đầu tư.

- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát luôn được sự phối hợp, thông tin đầy đủ từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban.

- Tham dự tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Tổng thu nhập của HĐQT và Ban TGD: 2.242.836.653 đồng
- Tổng thu nhập của BKS: 125.249.217 đồng
- Trong năm 2019 HĐQT, Ban TGD và BKS không có thù lao.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Từng bước hoàn thiện các quy chế quản trị Công ty theo quy định, tăng cường vai trò giám sát của Ban kiểm toán nội bộ để hạn chế tối đa các sai sót trong quản trị và sản xuất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản, được lập ngày 20 tháng 01 năm 2020, từ trang 07 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra các ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

- Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Chi tiết về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 xin vui lòng xem tại trang web: www.incomfish.com

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGD CKHN,
- TV. HĐQT, Trưởng BKS,
- Lưu.



Nguyễn Thị Kim Xuân